

Bản án số: 18 /2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 28/5/2020.  
V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Trung Kiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thùy.
2. Bà Ngô Thị Luân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương – Là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 79/2020/TLST-HNGĐ ngày 11/3/2020 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST–HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Bích L, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số 96, thôn Tân Lập, xã Tân Văn, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Minh T, sinh năm 1993.

HKTT: Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ L hệ: Số 152 đường số 6, khu phố 2, phường P, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

*(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai chị Võ Thị Bích L trình bày:*

Năm 2015, chị xây dựng gia đình với anh Phạm Minh T, trên cơ sở tự nguyện, đến cuối năm 2016, anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng có quá nhiều khác biệt, bất đồng về tính cách, lối sống, quan điểm không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, từ đó vợ chồng tạo ra khoảng cách, không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống vợ

chồng không có hạnh phúc. Gia đình hai bên cũng đã hàn gắn tình cảm cho vợ chồng chị nhưng không thành. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị xác định có một con chung là Phạm Kiến V, sinh ngày 05/01/2017. Hiện nay con đang ở cùng với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Chị xác định không có và không yêu cầu gì.

Về nợ chung: Chị xác định không có.

*Tại bản tự khai anh Phạm Minh T trình bày:*

Anh và chị L kết hôn với nhau như chị L trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Anh đã nhiều lần động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân năm 2017 đến nay. Nay, chị L yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị L trình bày. Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định không có và không yêu cầu gì.

Về nợ chung: Anh xác định không có.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, các đương sự đã thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giải quyết T bộ vụ án vào ngày 27/4/2020. Tuy nhiên ngay sau đó, chị L có đơn xin thay đổi ý kiến.

*Tại phiên tòa:*

Các đương sự giữ nguyên ý kiến và yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, sự chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Võ Thị Bích L về việc xin ly hôn với anh Phạm Minh T. Giao con chung là Phạm Kiến V, sinh ngày 05/01/2017 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T phải cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ/tháng. Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Võ Thị Bích L và anh Phạm Văn T xây dựng gia đình với nhau năm 2015, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân. Tại phiên tòa, chị L và anh T đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, cả hai không có biện pháp cải thiện tình cảm nên chị L giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, còn anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã trầm trọng, kéo dài, thời gian ly thân đã lâu nhưng tình cảm không cải thiện được, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L, xử cho chị L và anh T được ly hôn là phù hợp.

[2] *Về con chung*:

[2.1] Chị Võ Thị Bích L và anh Phạm Văn T có 01 (Một) con chung là Phạm Kiến V, sinh ngày 05/01/2017. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh T không đồng ý, anh T cũng yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Xét thấy, cả chị L và anh T đều cung cấp được chứng cứ chứng minh về mức thu nhập để lo cho con. Tuy nhiên, kể từ khi vợ chồng ly thân đến nay, con chung vẫn do chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, Trẻ khỏe mạnh, phát triển bình thường, còn anh T thì đi làm ăn, sinh sống ở thành phố Hồ Chí Minh, thỉnh thoảng mới về địa phương nên ít có thời gian gần gũi, quan tâm con. Hơn nữa, cháu Văn còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn nên để ổn định về mặt tâm sinh lý của Trẻ cần căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình cần giao con chung cho chị L tiếp tục có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[2.2] Về việc cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng, còn anh T xác định nếu chị L nuôi con thì anh đủ điều kiện để cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng như chị L yêu cầu. Xét thấy, anh T có công việc ổn định, thu nhập khá, đồng thời anh T cũng xác nhận đảm bảo điều kiện về thu nhập để cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng nên căn cứ Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình cần buộc anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng là phù hợp. Thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật trở đi cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

[3] *Về tài sản chung*: Chị L và anh T xác định không có và không yêu cầu gì nên không đặt ra để xem xét.

[4] *Về nợ chung*: Các đương sự xác định không có nên không xem xét.

[5] *Về án phí*:

Chị Võ Thị Bích L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000đ án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; Điều 235; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5; khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### Xử:

1. Chấp nhận đơn ly hôn của chị Võ Thị Bích L, xử cho chị Võ Thị Bích L và anh Phạm Minh T được ly hôn.

#### 2. Về con chung:

Giao con chung là Phạm Kiến V, sinh ngày 05/01/2017 cho chị Võ Thị Bích L có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Minh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với số tiền 3.000.000đồng/tháng (Ba triệu đồng trên một tháng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật trở đi cho đến con khi chung đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

#### 3. Về án phí:

Chị Võ Thị Bích L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0007281 ngày 11/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Chị Võ Thị Bích L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phạm Minh T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 28/5/2020) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Ban tư pháp xã P;
- Lưu hồ sơ – tòa án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Trung Kiên**